Chi tiết mã HS 9209.94.00

Mã HS	9209.94.00
Mô tả hàng hóa	Các bộ phận (ví dụ, bộ phận cơ cho hộp nhạc) và các phụ kiện (ví dụ, thẻ (card), đĩa và trục quay dùng cho nhạc cụ cơ học) của nhạc cụ; máy nhịp, thanh mẫu, tiêu và sáo các loại / - Loại khác: / - - Bộ phận và phụ kiện cho nhạc cụ thuộc nhóm 92.07
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 16:04:08
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/92099400/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18401
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18401
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18401
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	1.7	1,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17731
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17660
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17660
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17660
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17660
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17660
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17660
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17716
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17716

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17716
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17716
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17716
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17716
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17717
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17717
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17717
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17717
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17717
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17717
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17722
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17678
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17674
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17674
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17674
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17674
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17674
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17674
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17720
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17720
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17720
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17720
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17720
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17720
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17782
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17782

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17782
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17782
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17782
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17782
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17760
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17760
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17760
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17760
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17760
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17760
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17753
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17753
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17753
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17753
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17753
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17753
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17783
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17783
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17783
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17783
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17783
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17783
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17782
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17782
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17782
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17782

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17782
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17782
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17876
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17876
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17876
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17876
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17876
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17876
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17876
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17745
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17745
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17745
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17745
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17745
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17745
RCEP B	2022	2022	0	B!D17745
RCEP B	2023	2023	0	B!E17745
RCEP B	2024	2024	0	B!F17745
RCEP B	2025	2025	0	B!G17745
RCEP B	2026	2026	0	B!H17745
RCEP B	2027	2027	0	B!I17745
RCEP C	2022	2022	0	C!D17743
RCEP C	2023	2023	0	C!E17743
RCEP C	2024	2024	0	C!F17743
RCEP C	2025	2025	0	C!G17743
RCEP C	2026	2026	0	C!H17743

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17743
RCEP D	2022	2022	0	D!D17742
RCEP D	2023	2023	0	D!E17742
RCEP D	2024	2024	0	D!F17742
RCEP D	2025	2025	0	D!G17742
RCEP D	2026	2026	0	D!H17742
RCEP D	2027	2027	0	D!I17742
RCEP E	2022	2022	0	E!D17746
RCEP E	2023	2023	0	E!E17746
RCEP E	2024	2024	0	E!F17746
RCEP E	2025	2025	0	E!G17746
RCEP E	2026	2026	0	E!H17746
RCEP E	2027	2027	0	E!I17746
RCEP F	2022	2022	0	F!D17745
RCEP F	2023	2023	0	F!E17745
RCEP F	2024	2024	0	F!F17745
RCEP F	2025	2025	0	F!G17745
RCEP F	2026	2026	0	F!H17745
RCEP F	2027	2027	0	F!I17745
VIFTA	2024	2024	2,6	VI!F16628
VIFTA	2025	2025	2.1	VI!G16628
VIFTA	2026	2026	1.7	VI!H16628
VIFTA	2027	2027	1.3	VI!I16628

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9209.94.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 9209.94.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18401), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.